

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **1089/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 659/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 733/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương Th., sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thành D., sinh năm 1993;

Địa chỉ: X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Phương Th. vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ông Bùi Thành D. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

❖ Tại Đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th. trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Th. và Ông Bùi Thành D. tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 17/6/2016.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng về sau từ tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 3 năm 2020. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Nguyễn Thị Phương Th. yêu cầu được ly hôn với Ông Bùi Thành D..

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. có 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019. Bà Nguyễn Thị Phương Th. đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung. Nay Bà Nguyễn Thị Phương Th. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019. Bà Nguyễn Thị Phương Th. không yêu cầu Ông Bùi Thành D. cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. không có nợ chung.

❖ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Bùi Thành D. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng Ông Bùi Thành D. không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Ông Bùi Thành D. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th.. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Th. được ly hôn với Ông Bùi Thành D.. Về con chung: Căn cứ thực tế Bà Th. đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, đề nghị chấp nhận Bà Nguyễn Thị Phương Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Ông Bùi Thành D. do Bà Nguyễn Thị Phương Th. không yêu cầu. Về tài sản chung: Bà Th. khai tự thỏa thuận với Ông Bùi Thành D., không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Bà Th. khai bà và Ông D. không có nợ chung nên không xét. Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn Ông Bùi Thành D. trong vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân Phường Z2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ giữa Bà Nguyễn Thị Phương Th. và Ông Bùi Thành D. là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện, đây là “Tranh chấp ly hôn”, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ xác minh của Công an phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Bùi Thành D. có hộ khẩu tại X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn Ông Bùi Thành D. có nơi cư trú tại phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th. vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị Phương Th..

Bị đơn – Ông Bùi Thành D. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Bùi Thành D. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Ông Bùi Thành D..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; Kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường Z1, quận Tân Phú; Biên bản xác minh về mâu thuẫn giữa các đương sự tại địa phương; Bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th.: Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà Nguyễn Thị Phương Th. và Ông Bùi Thành D. thực tế đã có mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về cách chăm sóc con cái; về vấn đề kinh tế và chi tiêu cho gia đình, bản thân; về sự tôn trọng và chia sẻ giữa vợ chồng nên mâu thuẫn giữa Bà Th. và Ông D. ngày càng trầm trọng. Hiện nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, khiến cho tình cảm vợ chồng giữa Bà Th. và Ông D. ngày càng lạnh nhạt.

Và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng Ông Bùi Thành D. vẫn không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Tất cả những việc này thể hiện bị đơn Ông Bùi Thành D. đã không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th. được ly hôn với Ông Bùi Thành D..

[2.2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. có 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019. Bà Nguyễn Thị Phương Th. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Căn cứ thực tế Bà Th. đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Phương Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019 là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. không yêu cầu Ông Bùi Thành D. cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Ông Bùi Thành D..

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

Bà Nguyễn Thị Phương Th. và Ông Bùi Thành D. có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. khai bà và Ông D. tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông D. không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về các vấn đề khác:

Hội đồng xét xử xét thấy cần giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn Ông Bùi Thành D. trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm do Bà Nguyễn Thị Phương Th. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương Th..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Th. được ly hôn với Ông Bùi Thành D..

Quan hệ hôn nhân của Bà Nguyễn Thị Phương Th. và Ông Bùi Thành D., theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân Phường Z2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. có 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019.

Bà Nguyễn Thị Phương Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Bùi Nguyễn Đăng Kh., sinh ngày 02/7/2016 và Bùi Nguyễn Thiên K., sinh ngày 10/6/2019.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Ông Bùi Thành D. do Bà Nguyễn Thị Phương Th. không yêu cầu.

[5] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương Th. xác nhận bà và Ông Bùi Thành D. không có nợ chung.

[8] Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn Ông Bùi Thành D. trong vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Bà Nguyễn Thị Phương Th. phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0035737 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Phương Th. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài